

Số: 1373/BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN
NĂM 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ : 369.991.240.000 đồng (Ba trăm sáu chín tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (31/12/2015): 382.818.155.826 đồng (Ba trăm tám hai tỷ, tám trăm mười tám triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, tám trăm hai sáu đồng).
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.33) 3825 220
- Fax : (84.33) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Mã cổ phiếu : NBC

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, tiền thân là Mỏ than Núi Béo được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lầm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là: ≈ 32 triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m³ và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m³/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Vía 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Vía 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Vía 14 đã xúc gầu đất đầu tiên.



** Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vụn vụn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vía 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vía 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989- 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng \approx 30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

**Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/4/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với tên mã là: "NBC".

Đức

d) Tăng vốn điều lệ: Công ty đã 04 lần tăng vốn điều lệ, từ 60 tỷ đồng vốn điều lệ ban đầu lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) như hiện nay. Trong đó: ⁽¹⁾Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn tích lũy (280 tỷ đồng), phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu (30 tỷ đồng).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).
- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).
- Phá dỡ (4311).
- Chuẩn bị mặt bằng (4312).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).
- Điều hành tua du lịch (7912).
- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).

b) Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
- b) HĐQT gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Ban kiểm soát gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- d) Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc Công ty hiện có 5 người (01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng);
- e) Công ty có 14 phòng chức năng, 01 ban quản lý dự án hầm lò, 01 trạm y tế; 14 đơn vị sản xuất chính (12 Công trường, phân xưởng sản xuất than lộ thiên; 02 công trường khai thác than hầm lò).

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, trong đó:

- Sản xuất hàng năm của Công ty thực hiện theo định hướng của Tập đoàn, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, kế hoạch điều hành SXKD 5 năm (2016-2020) của Công ty theo nguyên tắc sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tập đoàn và của Công ty.

- Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt quá trình điều hành kế hoạch kinh doanh 5 năm của Công ty là vừa phải khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng thành công dự án khai thác than hầm lò, đảm bảo tuyệt đối an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, ổn định việc làm và đời sống người lao động.

- Trong chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2013 đến năm 2020 thì giai đoạn 2015 - 2018 là khó khăn nhất, Công ty khai thác than với sản lượng thấp làm ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

6. Các rủi ro

Ngoài các rủi ro về cơ chế chính sách, hội nhập..., trong SXKD, xây dựng dự án hầm lò Công ty còn có một số rủi ro chính sau:

6.1. Huy động vốn: Dự án khai thác than hầm lò có tổng giá trị đầu tư là 5.300 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu của Công ty mới có gần 400 tỷ đồng. Do đó trong thời gian tới Công ty cần huy động vốn từ các nhà đầu tư hoặc vay thương mại của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

6.2. Nguồn nhân lực: Việc chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất của Công ty từ khai thác lộ thiên sang khai thác than hầm lò là chưa có tiền lệ, Công ty phải đối mặt với việc dư thừa lao động lộ thiên, thiếu lao động sản xuất than hầm lò.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phần khai thác than lộ thiên

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
1	Bóc đất đá lộ thiên	10 ³ M ³	7.875	8.628	110
2	Than Nk sản xuất	10 ³ Tấn	1.050	1.150	110
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	884	732	83
-	Than sạch từ than NK	"	484	326	67
-	Than sạch từ SPNT	"	400	406	102
4	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	1.385	1.404	101
5	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.504	1.378	92
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.739	66,84	198
7	Tiền lương bình quân	10 ³ d/ng.th	6.809	8.087	119
8	Cổ tức	%	5	6	120

1.2. Xây dựng Dự án khai thác than hầm lò

- Đào lò XDCB: 612,2/495 m, đạt 124% nghị quyết.

- Dự kiến giá trị đầu tư xây dựng: 378,4 tỷ đồng.

- Giá trị giải ngân, thanh toán, tạm ứng: 451,4 tỷ đồng.

* Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2015, là năm bắt đầu Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai dự án khai thác than hầm lò, do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết mưa bão kéo dài, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ SXKD năm 2015 Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ/ chức vụ	CP năm giữ
1	Ngô Thế Phiệt	01/4/1968	P. Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư khai thác mỏ, Giám đốc	0
2	Nguyễn Tuấn Dũng	06/12/1968	P. Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	4.541
3	Mai Quảng Thái	10/9/1977	P. Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	1.208
4	Trần Quốc Tuấn	22/8/1968	P. Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, khai thác mỏ, Phó Giám đốc	0
5	Lê Văn Giang	09/9/1962	P. Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	Kỹ sư, cơ điện, Phó Giám đốc	6.061
6	Nguyễn Thị Tâm	14/8/1971	P. Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	Thạc sỹ QTKD	1.182

2.2. Những thay đổi trong Lãnh đạo điều hành Công ty

- Ngày 01/6/2015: HĐQT Công ty bổ nhiệm ông Ngô Thế phiệt giữ chức Giám đốc điều hành Công ty thay ông Vũ Anh Tuấn chuyển công tác.

- Ngày 01/12/2015: Ông Lê Ngọc Tuấn, Phó Giám đốc Công ty nghỉ hưu theo chế độ.

- Ngày 16/12/2015: Bà Dương Thị Thu Phong thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc, chuyển công tác đến Tập đoàn (TKV).

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2015 là: 2012 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 271 người, công nhân là: 1.741 người.

- Trong năm, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập của người lao động ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Công tác Đầu tư – XD CB

Năm 2015, kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty được Tập đoàn thông qua tại: ⁽¹⁾ Công văn số 6588/TKV-ĐT ngày 11/12/2014, ⁽²⁾ Công văn điều chỉnh kế hoạch số 5413/TKV-ĐT ngày 04/11/2015. Triển khai kế hoạch đó năm 2015 Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin đã thực hiện các nội dung công việc sau:

a) Các dự án đầu tư phân khai thác lộ thiên:

- Dự án Đầu tư di chuyển trạm cân ô tô điện tử 80 tấn: Đã thực hiện xong việc di chuyển và bàn giao đưa vào sử dụng.

- Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ duy trì sản xuất năm 2015.

+ Lập và đệ trình phê duyệt báo cáo KTKT công trình Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2015.

+ Lập và thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu: 01 cụm động cơ lắp cho máy xúc TLGN Volvo EC700BLC, 02 cụm bơm thủy lực chính lắp cho máy xúc Volvo EC700BLC, 01 hệ thống máy kinh vĩ con quay, 02 cân phân tích mẫu than (điện tử) và 02 tủ sấy mẫu than.

+ Lập và đệ trình phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu các gói thầu: 01 cụm động cơ lắp cho máy xúc TLGN Volvo EC700BLC, 02 cụm bơm thủy lực chính lắp cho máy xúc Volvo EC700BLC, 01 hệ thống máy kinh vĩ con quay, 02 cân phân tích mẫu than (điện tử) và 02 tủ sấy mẫu than.

- Dự án Đầu tư mở rộng khai thác lộ thiên mỏ Núi Béo: Công ty đã đền bù và hỗ trợ giải phóng mặt bằng các hộ dân với tổng giá trị: 8.500 triệu đồng.

- Dự án Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ điều hành sản xuất.

+ Lập và đệ trình phê duyệt đề cương khái toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

+ Lập và đệ trình phê duyệt HSYC gói thầu số 01CNTT/2015-NB: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thiết kế thi công - tổng dự toán.

- Dự án Đầu tư mới và sửa chữa phục hồi thiết bị phục vụ duy trì sản xuất năm 2014: Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tiếp nhận và bàn giao đưa vào sử dụng các thiết bị: 01 cụm đầu bơm 1250m³/h, 01 cụm động cơ lắp cho xe Komatsu HD465-7R, 01 máy tiện đường kính 320mm.

- Dự án Đầu tư công trình kiến trúc phục vụ duy trì khai thác lộ thiên năm 2015:

+ Lập và đệ trình phê duyệt báo cáo KTKT công trình Đầu tư công trình kiến trúc phục vụ duy trì khai thác lộ thiên năm 2015.

+ Triển khai thi công hạng mục công trình: Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ an ninh trật tự khai trường Vía 11 + Đông Bắc.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt xong quy hoạch 1/2000 phân khu phía bắc quốc lộ 18A thành phố Hạ Long (Đoạn từ sau trụ sở Công an tỉnh đến khu vực Văn phòng mỏ than Hà Tu)

b) Dự án khai thác hầm lò

* Phần xây dựng:

- Nhà thầu chính Công ty Xây dựng mỏ hầm lò 1 và nhà thầu phụ Công ty Cổ phần khoa học Máy mỏ (NPK) của Ucraina tiếp tục thi công cạp giếng đứng. Giếng chính thi công hoàn thiện lò nổi ngã 3 mức -350 và tổ hợp chất tải skip trong tháng 5/2015. Giếng phụ thi công tiếp thân giếng đến ngày 24/4/2015 đủ độ sâu thiết kế 416.8m, thi công hoàn thiện lò nổi 2 giếng, thi công ngã 3 các mức -336, -350 và -140 đến ngày 10/10/2015 thi công xong.

- Tại giếng chính từ tháng 6/2015 thực hiện đào chống sân ga mức -350 bằng hệ thống tháp tạm. Đến hết năm 2015 đã thi công đào chống được 465m.

- Tại giếng phụ trong tháng 8/2015 thi công đào chống được 58m lò sân ga mức -140. Từ tháng 10/2015 thực hiện cải tạo hệ thống trục tải và tháp giếng phục vụ lắp đặt cốt giếng, đến đầu tháng 11/2015 cải tạo xong và chờ lắp cốt giếng. Do thiết bị cốt giếng cung cấp không đảm bảo các yêu cầu về quản lý chất lượng nên trong năm 2015 nhà thầu chưa triển khai được việc lắp đặt cốt giếng.

Tổng số mét lò XDCB năm 2015: 612,3m/495m kế hoạch, đạt 123,2%.

* Phần tư vấn, quản lý dự án:

- Tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng thực hiện các gói thầu: ⁽¹⁾ Gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt thiết bị trục tải giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu; ⁽²⁾ Gói thầu số 14A: Xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức -350; lò xuyên vỉa mức -140, mức -350- Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giếng chính; ⁽³⁾ Gói thầu số 14C: Giám sát xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức -350; lò xuyên vỉa mức -140, mức -350- Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giếng chính; ⁽⁴⁾ Gói thầu số 6: Giám sát xây dựng, lắp đặt thiết bị gói thầu số 16;

- Hoàn thiện hồ sơ và phê duyệt dự toán điều chỉnh hạng mục cạp giếng đứng theo bộ định mức đơn giá được duyệt.

- Hoàn thiện hồ sơ và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai

thác cho Dự án hầm lò.

- Phối hợp với Viện Khoa học Công nghệ mỏ hoàn thiện và trình Tập đoàn xem xét hồ sơ thiết kế điều chỉnh một số hạng mục của TKKT để ra than sớm Dự án hầm lò Núi Béo.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.143.905.483.593	1.477.198.195.648	129,14
Doanh thu thuần	1.821.088.102.090	1.366.316.293.138	75,03
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	126.313.012.736	59.196.095.721	46,87
Lợi nhuận khác	16.723.573.195	7.640.955.233	45,69
Lợi nhuận trước thuế	143.036.585.931	66.837.050.954	46,73
Lợi nhuận sau thuế	110.961.553.362	51.297.908.288	46,23
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20,18	43,28	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,69	0,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	0,23	0,42	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,74	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,06	2,86	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,40	4,52	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,59	0,93	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,04
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,30	0,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,097	0,035
+ Hệ số Lợi nhuận từ SXKD/DT thuần	0,069	0,043

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 36.999.124 cổ phần; Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 15/3/2016

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ
A	TỔ CHỨC	39	29.715.814	80,31
1	Trong nước	29	28.712.625	77,60
2	Nước ngoài	10	1.003.189	2,71
B	CÁ NHÂN	1.802	7.283.310	19,69
1	Trong nước	1.718	6.608.196	17,86
2	Nước ngoài	84	675.114	1,82
	TỔNG CỘNG	1.841	36.999.124	100,00

Công ty có 02 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty, đó là: ⁽¹⁾ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 52,9%; ⁽²⁾ Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh nắm giữ 23,81%

5.3. Tình hình thay đổi vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu:

- Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 280 tỷ đồng lên 370 tỷ đồng (Số làm tròn) từ nguồn vốn tích lũy cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2015.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2015: Dự kiến tăng 8,7 tỷ đồng từ hoạt động SXKD, sau khi Công ty đã phân trích lập các quỹ, chia cổ tức cổ đông 6% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2016.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Việc quan trắc môi trường định kỳ:

Công ty tiến hành quan trắc môi trường định kỳ, tần suất quan trắc 01 quý một lần để kiểm tra ảnh hưởng của khai thác đến môi trường nước, không khí, môi

trường đất theo đúng quy định của báo cáo Đánh giá tác động môi trường và quan trắc môi trường làm việc 1 lần/năm (các thông số: Nồng độ bụi, khí thải, tiếng ồn, ánh sáng...). Kết quả quan trắc môi trường làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, xử lý các tiêu chuẩn vượt quá giới hạn cho phép và làm cơ sở để báo cáo định kỳ cơ quan chức năng.

- Trồng cây phủ xanh, tạo cảnh quan môi trường: Tại các khu vực bãi thải đã ngừng đổ thải, khu vực giáp khu dân cư, khu vực đường lên bãi thải, văn phòng các công trường, phân xưởng trong Công ty đều được trồng cây phủ xanh, tạo cảnh quan môi trường, tổng diện tích đã phủ xanh đến nay là 73,2 ha.

** Các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế phát tán bụi, khí thải:*

- Tưới đường dập bụi: Thường xuyên tổ chức tưới đường dập bụi 3 ca trong ngày các tuyến đường trong khai trường, Công ty đã đầu tư mua xe tưới đường chuyên dụng và hiện nay đã có tổng số 06 xe chuyên dụng để tưới đường.

- Hệ thống phun sương lắp tại các cụm sàng, kho than: Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại các cụm sàng, kho than, Phân xưởng sửa chữa, vận tải và công trường trong Công ty.

- Sử dụng công nghệ tuyển huyền phù để tuyển than, tránh gây bụi và tận thu tối đa tài nguyên.

** Việc thực hiện các quy định về thu gom, xử lý chất thải:*

- Xây kè ngăn đất đá trôi gây bồi lắng suối thoát nước, tạo hồ lắng: Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kè ngăn đất đá trôi khu vực công Số 1 và hồ lắng tại các vị trí trước khi nước chảy vào hệ thống suối thoát nước Hà Tu, giảm thiểu tối đa bùn đất gây bồi lắng suối.

- Nước rửa trôi bề mặt khu vực bãi thải: Đắp đê chắn chân bãi thải; Đổ thải tuân theo đúng thiết kế: mặt bãi thải hướng dốc vào phía trong, hình thành hệ thống thoát nước và để lại bờ an toàn không cho nước chảy trực tiếp xuống sườn tầng. Nước được thu gom vào các hồ lắng và dẫn về Trạm xử lý nước thải để xử lý.

- Nước thải công nghiệp: Công ty có hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.200 m³/h, công nghệ xử lý: Lắng lamela, lọc mangan. Nguồn tiếp nhận nước thải vào hệ thống mương thoát nước, quy chuẩn áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn.

- Định kỳ tổ chức nạo vét hệ thống rãnh thoát nước tại các công trường, phân xưởng, kho than, hồ lắng, suối Hà tu tránh gây bồi lấp, ách tắc dòng chảy.

- Về khối lượng nước sử dụng trung bình: Nước cấp: 13.020 m³.

- Về khối lượng nước thải: Nước thải công nghiệp: 10.854.732.000; Nước thải sinh hoạt: 9.114 m³.

- Về khí thải: Nguồn phát sinh là các máy, thiết bị hoạt động trong khai trường như máy khoan, máy xúc, phương tiện vận tải. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy khí thải trong khai trường đều nằm trong giới hạn cho phép, ảnh hưởng không đáng kể và chưa cần có biện pháp xử lý.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Rác thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu là rác bỏ đi và rác thực phẩm, Công ty ký Hợp đồng thu gom, xử lý với Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển môi trường đô thị Quảng Ninh.

+ Chất thải công nghiệp thông thường, thành phần: Đất đá thải, phương pháp quản lý, xử lý: Đô thải theo quy hoạch.

- Chất thải nguy hại: Công ty đã xây kho chứa chất thải nguy hại tại kho Vật tư và nhà lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời tại các đơn vị để thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định. Hiện nay, Công ty hợp đồng với Công ty TNHH MTV - TKV để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong Công ty.

+ Thông qua kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị trong Công ty và các đơn vị thuê ngoài nằm trong ranh giới quản lý, Công ty đã chấn chỉnh việc quản lý chất thải nguy hại, trang bị bổ sung biển cảnh báo CTNH, dụng cụ thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại trước khi xử lý.

Bảng tổng hợp thu gom, xử lý CTNH năm 2015

STT	Tên chất thải	Mã số	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	34.400	Thu hồi, tái chế	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV Mã số QLCTNH: 22.001.VX
2	Dầu động cơ và bôi trơn hộp số tổng hợp thải	17 02 03	148.140		
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	8.237	Thu hồi, tái chế và tiêu hủy bằng lò đốt 2 cấp	
4	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	22.000	Tái chế, tiêu hủy	
5	Giẻ lau nhiễm dầu thải, chất hấp th, vật liệu lọc nhiễm dầu (mùn cưa nhiễm dầu thải)	18 02 01	28.168	Thiêu đốt bằng lò đốt 2 cấp	
6	Phế liệu kim loại lẫn dầu	11 04 02	20.400	Phân tích, tái chế	
7	Má phanh hỏng chứa amiăng	15 01 06	925	Thiêu đốt bằng lò đốt 2 cấp	
8	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	34	Tiêu hủy	
Tổng			262.304		

- Nước thải công nghiệp:

Đã phối hợp với Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV thu gom, xử lý nước thải công nghiệp đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng tháng lượng nước bơm thoát nước moong khai thác gửi Ban KCM - TKV đảm bảo tiến độ và yêu cầu.

6.2. Kết quả:

- Về cơ bản, Công ty đã triển khai thực hiện và hoàn thành các công việc theo kế hoạch môi trường năm 2015 đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam duyệt, các công trình môi trường đưa vào sử dụng đã đạt được những hiệu quả tích cực trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch TKV duyệt (tr/đồng)	Kế hoạch TKV điều chỉnh (tr/đồng)	Công ty thực hiện (tr/đồng)
	TỔNG SỐ (I + II)			8.910	10.400	11.966
I	Chi phí BVMT thường xuyên			4.410	5.900	5.994
1	Quan trắc môi trường định kỳ	quý	4	450	650	650
2	Trồng cây đầu xuân, phát quang, chăm sóc, tạo cảnh quan môi trường, phủ xanh khu vực Công trường, Phân xưởng, bãi thải...	ha	17	2.300	2.300	2.300
3	Hưởng ứng các ngày môi trường: Tuần lễ nước sạch, ngày MTTG, TGSH.	đợt	1	100	20	20
4	Gia cố, nạo vét suối thoát nước phường Hà Trung, Hà Phong	m	350	100	60	60
5	Gia cố, nạo vét, vệ sinh tuyến đường, rãnh thoát nước trong khai trường	đợt	2	70	130	148
6	Thuê xử lý rác thải sinh hoạt	đợt	4	80	80	85
7	Thuê xử lý chất thải nguy hại	đợt	4	350	1.880	1.873
8	Xử lý nhà chứa CTNH, bể thu gom nước mặt nhiễm dầu, dụng cụ lưu giữ CTNH			150	70	88

9	Xử lý ngăn bụi, ngăn sạt lở đất đá đến khu dân cư	m	400	150	-	-
10	Xử lý nước thải sinh hoạt			60	60	70
11	Sửa chữa hệ thống phun nước dập bụi đảm bảo vệ sinh môi trường	HT	3	150	50	57
12	Xử lý nạo vét chống ngập úng suối Hà Tu	m	500	450	600	643
II	Chi phí xử lý nước thải			4.500	4.500	5.972
1	Chi phí xử lý nước thải	năm	1	4.500	4.500	5.972

6.3. Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ Môi trường:

- Công ty luôn thực hiện theo đúng, đủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như: Quan trắc môi trường định kỳ, trồng cây xanh, phun sương dập bụi, xây dựng các công trình môi trường, quản lý chất thải nguy hại... theo đúng ĐTM đã được phê duyệt. Chi cho công tác BVMT năm 2015 trên 10,474 tỷ đồng (đạt 130% kế hoạch năm).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2015 như sau:

1.1. Công tác tuyên truyền giáo dục

Công ty đã quán triệt, triển khai các văn bản, giải pháp quản lý điều hành đến người lao động để người lao động hiểu rõ và chia sẻ với những khó khăn chung của Tập đoàn và Công ty, tạo được sự đồng thuận trong công tác điều hành sản xuất, tiết giảm chi phí, chấp hành nghiêm quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn và kỷ luật điều hành của Công ty.

1.2. Công tác sản xuất, tiêu thụ

- Công ty đã thực hiện tốt việc bố trí thiết bị xe máy làm việc đồng bộ, tăng năng suất thiết bị; tranh thủ nguồn lực của nhà thầu thuê ngoài nhằm giảm đầu tư, hạn chế rủi ro tài chính và sức ép xử lý lao động khi kết thúc khai thác lộ thiên; áp dụng công nghệ tuyển rửa để thu hồi tối đa tài nguyên; quy hoạch lại kho bãi, giảm chi phí lưu kho, sàng xử lý lần 2 và giảm chất lượng than...

- Thực hiện nghiêm túc quy định và kỷ luật trong tiêu thụ than; điều hành sản xuất tiêu thụ than linh hoạt theo chỉ đạo của Tập đoàn; toàn bộ sản phẩm giao nộp cho Tập đoàn theo hợp đồng phối hợp kinh doanh;

1.3. Công tác kỹ thuật, đền bù, an toàn, môi trường

a) Quản lý kỹ thuật công nghệ

- Trong quá trình khai thác, Công ty đã đảm bảo các thông số kỹ thuật cơ bản theo thiết kế; tầng khai thác đủ điều kiện cho các thiết bị làm việc; đường vận tải được bảo dưỡng duy tu thường xuyên, có chất lượng đã tạo điều kiện tăng năng suất và hiệu quả cho xe vận tải;

- Thực hiện các chỉ tiêu công nghệ của Công ty đảm bảo các thông số kỹ thuật theo kế hoạch; Hệ số bóc đất bình quân 5 năm đạt $5,27\text{m}^3/\text{tấn}$ phù hợp với công suất thiết kế mỏ; tổn thất tài nguyên thực hiện tốt với mức bình quân 5 năm đạt 4,02%, tỷ lệ thu hồi than sạch mỏ đạt 88,3% cân đối với kế hoạch mỗi năm.

b) Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:

Công ty đã tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, TP Hạ Long để GPMB phục vụ các dự án, tuy nhiên, việc thực hiện GPMB vẫn còn vướng mắc do nhiều hộ dân chưa nhận tiền, bàn giao mặt bằng hoặc do chưa có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường. Cụ thể: Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo và đề án các giải pháp khai thác - đổ thải - thoát nước vùng Hòn Gai: Số hộ chưa bàn giao mặt bằng là **113/257** hộ, trong đó 99 hộ chưa nhận tiền, bàn giao mặt bằng; 14 hộ chưa có quyết định phê duyệt phương án; dự án di dời 23 hộ dân bị ảnh hưởng sạt lở đất đá tại tổ 10 khu 4 phường Hà Tu đang triển khai lập phương án bồi thường; dự án khu tái định cư Khe Cá - Hà Phong đã dự thảo phương án nhưng chưa có quyết định phê duyệt.

c) Quản lý An toàn:

Mặc dù sản lượng khai thác tương đối cao, số lượng xe máy hoạt động trên khai trường lớn, nguy cơ mất an toàn cao, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý an toàn, kiểm tra chỉ đạo các đơn vị và người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; chấn chỉnh kịp thời những hành vi gây mất an toàn; tổ chức huấn luyện an toàn cho lao động theo quy định. Bởi vậy trong 5 năm qua công tác an toàn BHLĐ của Công ty luôn được đảm bảo.

d) Môi trường:

Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Thường xuyên chăm lo tưới nước dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than; trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải đến năm 2015 diện tích phủ xanh là 16,9 ha; thuê Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.....

1.4. Quản trị chi phí:

Từ năm 2012, ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến SXKD của TKV nói chung và Công ty nói riêng. Để đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả TKV đã thực hiện giải pháp tiết giảm 5% chi phí các công đoạn sản xuất than và Công ty đã triển khai thực hiện một số nội dung chính đó là: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch và giải pháp điều hành kế hoạch SXKD; giao khoán chi phí sản xuất, quản trị công nghệ và ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc....;

thường xuyên rà soát tình hình thực hiện, cân đối lại năng lực, hiệu quả kinh doanh, phân tích những việc đã làm được, các vấn đề còn tồn tại, các nguy cơ rủi ro trong SXKD đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất; đàm phán với khách hàng giảm giá vật tư so với giá mua năm trước; thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính, quản lý tốt các hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu; hệ số bảo toàn vốn...

1.5. Quản lý lao động

- Công ty quản lý và sử dụng lao động theo Luật lao động, theo đó đã xây dựng và ban hành thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế quản lý lao động và tiền lương. Người lao động được Công ty ký kết hợp đồng và bố trí làm việc theo đúng ngành nghề đào tạo, đảm bảo việc làm và thu nhập.

- Tuyển dụng lao động: Với quan điểm là hạn chế tối đa việc tuyển dụng lao động để giảm sức ép về lao động sau khi kết thúc khai thác lộ thiên; ưu tiên tuyển dụng lao động nghề mỏ hầm lò

- Về quản lý lao động: Công ty đã tăng cường các biện pháp quản lý, kỷ luật lao động nên đã duy trì được nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động;

1.6. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực

Trong những năm qua, Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý; chọn cử một số cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ các chuyên đề và các lớp nghiệp vụ, kinh tế, kỹ thuật phục vụ dự án hầm lò, phối hợp với Trường Cao đẳng nghề TKV, Công ty Cổ phần Than Hà Lâm, Công ty Xây dựng mỏ Hầm lò I trong việc tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật nghề khai thác hầm lò chuẩn bị cho Dự án.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Công ty mở sổ sách theo dõi chặt chẽ các khoản công nợ phải thu cụ thể cho từng khách hàng, không để phát sinh nợ xấu, công nợ phải thu khó đòi, hoàn nhập được khoản công nợ phải thu khó đòi trích lập từ năm trước đối với Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê. Công nợ phải thu năm 2015 cao hơn năm 2014 chủ yếu là các khoản tạm ứng cho các nhà thầu thầu Dự án Hầm lò.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Số dư nợ phải trả năm 2015 tăng cao hơn so với năm 2014 do Dự án Hầm lò đang đi vào giai đoạn đầu tư trọng điểm, số dư vay đầu tư tăng cao. Công ty thực hiện thanh toán các khoản công nợ phải trả đúng hạn, kịp thời.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện quyết định số 2095/QĐ-TKV ngày 25/9/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc bố trí các phòng ban tham mưu thuộc các Công ty sản xuất than, Công ty đã ban hành quyết định số 4729/QĐ-

VNBC ngày 29/12/2014 về việc ban hành mô hình tổ chức và định biên lao động quản lý gián tiếp các đơn vị phòng ban trong năm 2015 và để phù hợp với điều kiện SXKD thực tại của Công ty khi chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất từ khai thác than lộ thiên sang khai thác than hầm lò, Công ty ban hành quyết định số 2326/QĐ-VNBC ngày 22/6/2015 về việc: Thành lập ban chỉ đạo và các tiểu ban giúp việc xây dựng chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất; Ban hành Nghị quyết số 27/NQ-VNBC ngày 6/8/2015, Nghị quyết số 32/NQ-VNBC ngày 25/9/2015 về việc sắp xếp lại tổ chức của Công ty; Nghị quyết số 38/NQ-VNBC ngày 6/11/2015 về việc kiện toàn ban quản lý Dự án hầm lò mỏ than Núi Béo; Thực hiện chuyển giao nhiệm vụ chế biến than CT. XD&MT, CT ĐB về CT. CBT, sáp nhập CT. ĐB vào CT. Via 11, sáp nhập Phòng CD, Phòng VTA thành 01 phòng và đổi tên thành Phòng CV, sáp nhập CT CGLĐ vào CT XD&MT, chuyển giao chức năng tưới đường đập bụi về PX VT số 1, chuyển giao nhiệm vụ bơm về PX Trạm mạng & Thoát nước; chuyển giao nhiệm vụ làm đường về các công trường khai thác, sáp nhập 4 phân xưởng vận tải xuống còn 3 phân xưởng. Do đó đến thời điểm hiện nay, Công ty còn có 14 phòng chức năng, 01 ban quản lý dự án hầm lò, 01 trạm y tế; 12 Công trường, phân xưởng sản xuất than lộ thiên.

- Đã rà soát sửa đổi, bổ sung ban hành lại trên 100 quy chế, quy định và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó HĐQT Công ty ban hành lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của pháp luật, TKV và điều kiện SXKD của Công ty như: Quy chế Khoán và Quản trị chi phí giá thành trong Công ty; Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế Quản lý Lao động và Tiền lương; Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động; Quy chế Quản lý nợ; Quy chế Thi đua - Khen thưởng; Quy chế tổ chức, hoạt động công tác Bảo vệ, Quân sự; Quy chế tổ chức, hoạt động công tác Thanh tra; Quy chế tổ chức, hoạt động công tác Pháp chế; Quy chế Quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng; Quy chế thực hiện dân chủ; Quy chế hoạt động mạng lưới AT-VSV; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định...;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (2016÷2020)	Kế hoạch năm 2016
1	Bốc xúc đất đá	10^3 m^3	35.810	8.500,0
-	Đất sản xuất	"	23.500	8.500,0
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	12.310	
2	Than NK sản xuất	10^3 Tấn	4.545	1.000,0
-	Than lộ thiên	"	3.200	1.000,0
-	Than hầm lò	"	1.345	
3	Đào lò XDCB	m	14.684	1.340,0

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (2016÷2020)	Kế hoạch năm 2016
4	Lò CBSX	m	11.200	
5	Than sạch sàng tại mỏ	10 ³ Tấn	4.675	1.005,0
-	Than sạch từ than NK	"	3.475	705,0
-	Than sạch từ SPNT	"	1.200	300,0
6	Than tiêu thụ	10 ³ Tấn	5.275	1.205,0
7	Doanh thu	Tỷ đồng	6.514	1.258,5
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	179	21,7
9	Lao động	Người	2.482	2.173,0
10	Tiền lương bình quân	10 ³ đ/người	9.478	7.032,0
11	Cổ tức	%	>5,0	>3,0

***Ghi chú:** Doanh thu năm 2017, 2018 tính theo giá bán than bình quân TKV giao khoán cho Công ty tại thời điểm năm 2016; doanh thu năm 2019, 2020 tính theo giá bán than hầm lò Công ty xây dựng phương án trình TKV thông qua; Lợi nhuận các năm từ 2017 ÷ 2020 tính bằng 3% doanh thu.

4.2. Lịch trình triển khai dự án hầm lò từ 2016 ÷ 2020

4.2.1. Phần xây dựng

a) Năm 2016:

- Tiếp tục thuê hệ thống tháp tạm để thi công đào thông sân ga hầm trạm mức -350 và -140. Tổng mét lò XDCB kế hoạch là 680m;

- Giếng phụ thực hiện lắp đặt cột giếng và các đường ống, đường cáp. Xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trực tải và tháp cố định;

- Thi công các công trình mặt bằng SCN +35: Nhà hành chính sinh hoạt; Nhà nồi hơi; Trạm biến áp 35/6kV-2x12500 KVA; Trạm phát điện Diesel; Hệ thống xử lý nước sinh hoạt;

- Đào chống cặp ngầm +20/-50, +36/-30 và các đường lò của phương án ra than sớm. Tổng mét lò XDCB kế hoạch là 660 m;

- Đầu tư mua sắm thiết bị: Vận tải, đào lò, cung cấp điện, thiết bị điện, cấp nước, thải nước, hệ thống cảnh báo khí CH₄...

b) Năm 2017:

- Giếng phụ tiếp tục lắp đặt hệ thống thiết bị trực tải và tháp cố định, đến tháng 9 thì hoàn thiện đi vào hoạt động;

- Từ tháng 9 ÷ 12: Đào hệ thống sân ga hầm trạm và lò khai thông bằng trực cố định giếng phụ;

- Giếng chính tiến hành lắp đặt cột giếng, đường ống, đường cáp cố định trong giếng, lắp đặt cầu thang bộ thoát hiểm; Triển khai xây lắp hệ thống trục tải và tháp cố định giếng chính;

- Đào khoanh vùng lò chợ ra than sớm 41101, lắp đặt hệ thống giá thủy lực trong lò chợ, dự kiến tháng 7/2017 đi vào hoạt động. Đào tiếp lò chuẩn bị cho lò chợ thứ 2 của phương án ra than sớm, lò chợ 41102;

- Tiếp tục thi công một số công trình mặt bằng SCN +35; Mặt bằng khu phụ trợ; công trình cung cấp điện, thiết bị điện; Lắp đặt hệ thống thông tin tín hiệu và tự động hoá trên mặt bằng; Xây dựng, lắp đặt hệ thống cảnh báo khí metan tập trung; cung cấp nước và thải nước; cung cấp khí nén; thiết bị văn phòng, trắc địa;

- Đầu tư mua sắm thiết bị: Khai thác, đào lò, vận tải, thông gió an toàn, sàng tuyển, phân xưởng phụ trợ, cung cấp điện, thiết bị điện, công trình phụ trợ.

c) Năm 2018:

- Giếng chính tiếp tục lắp đặt hệ thống trục tải và tháp cố định;

- Giếng phụ: Tiếp tục thi công hệ thống sân ga hầm trạm, lò khai thông và lò chuẩn bị;

- Tiếp tục khai thác lò chợ 41101; Đào tiếp và triển khai lắp đặt hoàn thiện thiết bị khai thác, vận tải cho lò chợ 41102, dự kiến ra than lò chợ vào tháng 9/2018;

- Tiếp tục xây dựng các công trình trên mặt bằng SCN +35;

- Đầu tư mua sắm tiếp thiết bị: Đào lò, khai thác, vận tải, thông gió an toàn, tháo khô thoát nước thải, sàng tuyển, phân xưởng phụ trợ, cung cấp điện, thiết bị điện, thông tin liên lạc tự động hóa.

d) Năm 2019

- Giếng chính lắp đặt hoàn thiện hệ thống thiết bị trục tải, tháp cố định và đưa vào hoạt động vào tháng 2/2019;

- Giếng phụ tiếp tục thi công xây dựng các đường lò khai thông và lò chuẩn bị. Đào chống tiếp các đường lò chuẩn bị cho khu 4, khu 1 và khu 2 vỉa 11;

- Khai thác tiếp lò chợ 41101 và 41102;

- Xây dựng hệ thống kỹ thuật phục vụ trong lò;

- Đầu tư mua sắm thiết bị: Khai thác, vận tải, cung cấp điện, thiết bị điện.

e) Năm 2020:

- Tiếp tục đào các đường lò XDCB và lò chuẩn bị cho các lò chợ 21103;

- Tiếp tục khai thác và kết thúc khai thác lò chợ 41101 và 41102;

- Lắp đặt thiết bị khai thác, vận tải và đưa 3 lò chợ giá xích 21102, 31103 và 11101 vào hoạt động nâng công suất ra than của dự án;

- Xây dựng hoàn chỉnh mặt bằng SCN +35;

- Đầu tư mua sắm thiết bị: khai thác, vận tải;

4.2.2. Phân tư vấn, quản lý dự án

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, điều chỉnh thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư cho phù hợp tình hình thực tế;

- Thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu ký hợp đồng các gói thầu xây dựng, lắp đặt thiết bị theo tiến độ của dự án. Giám sát, quản lý chất lượng, thanh quyết toán cho nhà thầu theo quy định.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự, chuyển đổi từ mỏ than lộ thiên sang mỏ hầm lò. Tiếp tục tuyển sinh, chuẩn bị nhân lực cho dự án hầm lò.

- Theo dõi giám sát đánh giá quá trình đầu tư xây dựng.

4.2.3. Giá trị đầu tư xây dựng:

Dự kiến từ năm 2016 đến 2020: 4.420,199 tỷ đồng, trong đó: Năm 2016 là 738,8 tỷ đồng; Năm 2017 là 1.133,5 tỷ đồng; Năm 2018 là 1.269,6 tỷ đồng; Năm 2019 là 723,5 tỷ đồng; Năm 2020 là 554,67 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA CỬA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty: Được trình bày ở mục 1 phần II)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Với vai trò được HĐQT giao trực tiếp điều hành hoạt động, Ban Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trên tất cả các lĩnh vực được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Kịp thời triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty;

- Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền;

- Trực tiếp thay mặt Công ty ký các hợp đồng lao động, tín dụng, kinh tế và thương mại đảm bảo đúng chế độ quy định, đúng pháp luật;

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình;

- Công tác tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc..., được thực hiện đúng Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn;

- Thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác ĐT-XDCB theo phân cấp, các thủ tục đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện đầu tư và thanh quyết toán công trình được thực hiện đúng chế độ, đúng quy định;

- Chủ động điều hành hoạt động SXKD hằng ngày bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng;

- Tổ chức ký hợp đồng cam kết trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với thủ trưởng các đơn vị trong Công ty;

- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch SXKD của Công ty, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật mà Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đề ra: ⁽¹⁾ Bóc đất đá: Thực hiện 8,628 triệu m³, đạt 110% so với kế hoạch; ⁽²⁾ Than nguyên khai sản xuất: Thực hiện 1.150 triệu tấn, đạt 110% so với kế hoạch; ⁽³⁾ Than sạch sản xuất từ sản phẩm ngoài than: Thực hiện 326 nghìn tấn, đạt 67% so với kế hoạch; ⁽⁴⁾ Đào lò XDCB: 612,2/495 m, đạt 124% so với kế hoạch; ⁽⁵⁾ Than tiêu thụ: Thực hiện 1,404 triệu tấn, đạt 101% so với kế hoạch; ⁽⁶⁾ Doanh thu than tổng số 1.378 tỷ đồng, đạt 92% so với kế hoạch; ⁽⁷⁾ Tiền lương bình quân 8.087 trđ/ng/th, bằng 119 % so với kế hoạch; ⁽⁸⁾ Lợi nhuận trước thuế 66,84 tỷ đồng đạt 198% so với kế hoạch; ⁽⁹⁾ Cổ tức thực hiện 6% đạt 120% so với kế hoạch.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT Công ty

a) Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng theo đúng kế hoạch, chuyển Công ty từ khai thác than lộ thiên sang sản xuất than hầm lò.

b) Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất lộ thiên theo hướng gọn nhẹ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

c) Triển khai thực hiện cơ chế đặc thù của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt, trong đó có việc chuẩn bị kỹ về nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

d) Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

e) Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

f) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng công trình dự án hầm lò để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

g) Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện

đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

h) Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Về cơ cấu nhân sự... HĐQT

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và trong năm 2015 nhân sự HĐQT Công ty tiếp tục có sự thay đổi do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam thay đổi người đại diện tại Công ty: ⁽¹⁾ Ông Vũ Anh Tuấn thôi làm đại diện TKV thôi giữ chức Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty; ⁽²⁾ Ông Ngô Thế Phiệt, người đại diện TKV, được bầu vào HĐQT, bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty; ⁽³⁾ Ông Hoàng Minh Hiếu thôi làm đại diện phần vốn TKV, thôi tham gia HĐQT, ⁽⁴⁾ Ông Nguyễn Văn Trịnh, người đại diện phần vốn TKV, được bầu vào HĐQT, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

a) Từ ngày 01/01/2015 – 01/06/2015:

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu/ đại diện năm giữ	Số buổi họp	Tỷ lệ %
1	Hoàng Minh Hiếu	Người đại diện phần vốn của TKV giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập)	14.811.215 (Đại diện TKV)	13	100
2	Vũ Anh Tuấn	Người đại diện TKV giữ chức vụ Giám đốc Công ty	2.406	13	100
3	Lã Tuấn Quỳnh	Người đại diện TKV giữ chức UV HĐQT (thành viên độc lập)	4.587	13	100
4	Lê Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT giữ chức PGĐ Công ty	7.045	0	0
5	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập)	1.603	13	100

b) Từ ngày 01/06/2015 – 02/07/2015

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu/ đại diện năm giữ	Số buổi họp	Tỷ lệ %
1	Hoàng Minh Hiếu	Người đại diện phần vốn của TKV giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập)	14.811.215 (Đại diện TKV)	02	100
2	Ngô Thế Phiệt	Người đại diện TKV giữ chức vụ Giám đốc Công ty		02	100
3	Lã Tuấn Quỳnh	Người đại diện TKV giữ chức UV HĐQT (thành viên độc lập)	4.587	02	100
4	Lê Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT giữ chức PGĐ Công ty	7.045	1	50
5	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập)	1.603	02	100

d) Từ ngày 02/07/2015 đến 31/12/2016

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu/ đại diện năm giữ	Số buổi họp	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Văn Trịnh	Người đại diện phần vốn của TKV giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập)	19.572.922 (Đại diện TKV)	15	100
2	Ngô Thế Phiệt	Người đại diện TKV giữ chức vụ Giám đốc Công ty	0	15	100
3	Lã Tuấn Quỳnh	Người đại diện TKV giữ chức UV HĐQT (thành viên độc lập)	6.061	15	100
4	Lê Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT giữ chức PGĐ Công ty	9.309	0	0
5	Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT (thành viên độc lập)	2.118	15	100

Đức

1.2. Các cuộc HĐQT:

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
01	Phiên họp thứ 01 ngày 24/01/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 01/NQ-VNBC ngày 24/01/2015 về việc: Mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật để tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các hồ sơ dự thầu gói thầu số 16; 2. Quyết định về việc mở thầu gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giồng của giồng đứng chính vận tải than, giồng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
02	Phiên họp thứ 02 ngày 05/02/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 02/NQ-VNBC ngày 05/02/2015 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty; 2. Nghị quyết số 03/NQ-VNBC ngày 05/02/2015 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý điều hành tại các công trường, phân xưởng; 3. Các quyết định ngày 05/02/2015 về việc: ⁽¹⁾ Phê duyệt định mức năng suất lao động năm 2015; ⁽²⁾ Quyết toán quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014.
03	Phiên họp thứ 03 ngày 09/3/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 04/NQ-VNBC ngày 09/3/2015 về việc: Giám sát, quản lý điều hành Công ty; 2. Nghị quyết số 05/NQ-VNBC ngày 09/3/2015 về việc: Cử cán bộ đi học thạc sỹ chuyên ngành thông gió mỏ tại Ba Lan; 3. Nghị quyết số 06/NQ-VNBC ngày 09/3/2015 về việc: Tháo dỡ di chuyển trạm cân 80 tấn về công trường Đông Bắc và nhượng bán nhà vận hành trạm cân cho Công ty Cổ phần Vận tải Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin. 4. Quyết định của HĐQT Công ty về việc: ⁽¹⁾ Phê duyệt quyết toán tiền lương của Công ty năm 2014; ⁽²⁾ Phê duyệt đơn giá, quỹ tiền lương sản xuất than; quỹ lương ban quản lý dự án hầm lò; quỹ tiền lương, mức lương của viên chức quản lý và các chức danh lãnh đạo tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty năm 2015; ⁽³⁾ Phê duyệt định mức tiêu hao vật liệu, nhiên liệu, điện năng năm 2015; ⁽⁴⁾ Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động của Công ty; ⁽⁵⁾ Ban hành Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; ⁽⁶⁾ Ban hành Quy chế Quản lý nợ trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin; ⁽⁷⁾ Ban hành Quy chế Quản lý lao động Tiền lương của Công ty; ⁽⁸⁾ Ban hành Quy chế

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
		Khoản và Quản trị chi phí giá thành của Công ty;
04	Phiên họp thứ 04 ngày 24/3/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 06/NQ-VNBC ngày 24/3/2015 về công tác cán bộ Công ty; 2. Quyết định của HĐQT ngày 24/3/2015 về việc: Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giồng của giồng đứng chính vận tải than, giồng đứng phụ vận tải vật liệu Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
05	Phiên họp thứ 05 ngày 31/3/2015	✓ Nghị quyết số 08/NQ-VNBC ngày 31/3/2015 về việc: Bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ cán bộ.
06	Phiên họp thứ 06 ngày 07/4/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 09/NQ-VNBC ngày 07/4/2015 về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài; 2. Nghị quyết số 10/NQ-VNBC ngày 07/4/2015: Giám sát quản lý điều hành Công ty. 3. Quyết định của HĐQT về việc: ⁽¹⁾ Phê duyệt Quy chế Quản lý vật tư; ⁽²⁾ Phê duyệt Quy chế Thi đua - Khen thưởng; ⁽³⁾ Phê duyệt kế hoạch chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015; ⁽⁴⁾ Phê duyệt quy chế tổ chức, hoạt động công tác Bảo vệ, Quân sự trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
07	Phiên họp thứ 07 ngày 17/4/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 11/NQ-VNBC ngày 17/4/2015 về việc: Triển khai thực hiện tăng vốn Điều lệ của Công ty trong năm 2015; 2. Nghị quyết số 12/NQ-VNBC ngày 17/4/2015 về việc: Cử cán bộ đi công tác tại nước Đức.
08	Phiên họp thứ 08 ngày 13/5/2015	✓ Nghị quyết số 13/NQ-VNBC ngày 13/5/2015 về việc: Tiếp nhận lao động phục vụ Dự án khai thác than hầm lò.
09	Phiên họp thứ 09 ngày 15/5/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 14/NQ-VNBC ngày 15/5/2015 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty; 2. Quyết định của HĐQT về việc: ⁽¹⁾ Phê duyệt Quy chế tổ chức, hoạt động công tác Thanh tra; ⁽²⁾ Phê duyệt Quy chế tổ chức, hoạt động công tác Pháp chế; ⁽³⁾ Phê duyệt Quy chế Quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; ⁽⁴⁾ Phê duyệt Quy chế Quản lý và sử dụng

Đức

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
		quỹ thi đua, khen thưởng; ⁽⁵⁾ Phê duyệt Quy chế thực hiện dân chủ; ⁽⁶⁾ Phê duyệt Quy chế hoạt động mạng lưới AT-VSV; ⁽⁷⁾ Phê duyệt TKBVTC-DT các hạng mục Sân ga hầm trạm mức -140 giai đoạn 1 và giai đoạn 2; Sân ga hầm trạm mức -350 giai đoạn 2 và giai đoạn 3; Lò xuyên vỉa vận tải chính mức -350; Lò xuyên vỉa thông gió chính mức -140 (đường gió sạch) giai đoạn 1; Lò xuyên vỉa thông gió chính mức -140 (đường gió bẩn) giai đoạn 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
10	Phiên họp thứ 10 ngày 19/5/2015	✓ Nghị quyết số 15/NQ-VNBC ngày 19/5/2015 về việc giao nhiệm vụ cán bộ.
11	Phiên họp thứ 11 ngày 22/5/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 15b/NQ-VNBC ngày 22/5/2015 về việc: Thông qua tỷ lệ hưởng quyền, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, thời gian thực hiện đợt phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ của Công ty. 2. Quyết định về việc: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu giai đoạn I (Lần 2) (Điều chỉnh Gói thầu số 6; tách gói thầu số 14 thành Gói thầu số 14A, Gói thầu số 14B; bổ sung Gói thầu số 14C, Gói thầu số 14D) Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
12	Phiên họp thứ 12 ngày 29/5/2015	✓ Nghị quyết số 16/NQ-VNBC ngày 29/5/2015 về việc: Bổ nhiệm cán bộ.
13	Phiên họp thứ 13 ngày 01/6/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 17/NQ-VNBC ngày 01/6/2015 về việc: Thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban Giám đốc Công ty; 2. Quyết định của HĐQT về công tác cán bộ (Ông Vũ Anh Tuấn thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức Giám đốc điều hành Công ty - Giám đốc điều hành mỏ lộ thiên Núi Béo; Ông Ngô Thế Phiệt, người đại diện của TKV tham gia vào HĐQT và được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc điều hành Công ty).
14	Phiên họp thứ 14 ngày 18/6/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 18/NQ-VNBC ngày 18/6/2015 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty; 2. Quyết định của HĐQT về việc: ⁽¹⁾ Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; ⁽²⁾ Phân công nhiệm

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
		<p>trong HĐQT Công ty; ⁽³⁾. Phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng hạng mục Giếng đứng chính vận tải than và Giếng phụ vận tải vật liệu Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; ⁽⁴⁾. Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14A: Xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức -350; lò xuyên vỉa mức -140; mức -350 – Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giếng chính thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; ⁽⁵⁾. Ban hành Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin; ⁽⁶⁾. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giếng của giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo; ⁽⁷⁾. Bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ khai thác lộ thiên và khai thác than hầm lò theo nội dung Tờ trình số 2155/TTr-VNBC ngày 12/6/2015</p>
15	Phiên họp thứ 15 ngày 29/6/2015	<p>✓ Nghị quyết số 19/NQ-VNBC ngày 29/6/2015 về việc: Cán bộ, công nhân đi thăm quan, nghỉ mát tại nước ngoài.</p>
16	Phiên họp thứ 16 ngày 02/7/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 20/NQ-VNBC ngày 02/7/2015 về việc: Thay đổi nhân sự trong HĐQT Công ty. 2. Nghị quyết số 21/NQ-VNBC ngày 02/7/2015 về việc: Thành lập tổ thẩm định các dự án, công trình, hạng mục công trình đầu tư xây dựng trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin
17	Phiên họp thứ 17 ngày 06/7/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định số 2537/QĐ-VNBC ngày 07/7/2015 về việc: Phân công nhiệm vụ trong HĐQT. 2. Nghị quyết số 21b/NQ-VNBC ngày 06/7/2015 về việc: Chốt danh sách cổ đông của Công ty để hưởng quyền nhận cổ tức năm 2014 và nhận cổ phiếu thưởng.
18	Phiên họp thứ 18 ngày 10/7/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định ngày 10/7/2015 về việc: Cử ông Mai Quảng Thái – PGĐ Công ty đi tu nghiệp tại Nhật Bản; 2. Nghị quyết số 22/NQ-VNBC ngày 10/7/2015 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty; 3. Nghị quyết số 23/NQ-VNBC ngày 10/7/2015 về việc: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 6 và Gói thầu số 14C thuộc Dự án XDCT khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
19	Phiên họp thứ 19 ngày 16/7/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định số 2843/QĐ-VNBC ngày 23/7/2015 về việc thưởng các viên chức quản lý Công ty năm 2014; 2. Nghị quyết số 24/NQ-VNBC ngày 16/7/2015 v/v mở thầu Gói thầu số 14A: Xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức -350; lò xuyên via mức -140, mức -350- Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giằng chính thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
20	Phiên họp thứ 20 ngày 24/7/2015	<p>✓ Nghị quyết số 25/NQ-VNBC ngày 24/7/2015 về việc: Tạm hoãn HĐLĐ để cử một số cán bộ Công ty đi học tập, thực tiễn sản xuất tại Công ty CP Than Hà Lâm.</p>
21	Phiên họp thứ 21 ngày 06/8/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 26/NQ-VNBC ngày 06/8/2015 về việc: Cử cán bộ đi thăm quan du lịch nước ngoài; 2. Nghị quyết số 27/VNBC ngày 06/8/2015 về việc: Sắp xếp lại tổ chức của Công ty; 3. Quyết định 2986/QĐ-VNBC ngày 6/8/2015 về việc: Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Gói thầu số 14A - Xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức - 350; lò xuyên via mức -140, mức - 350 Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giằng chính thuộc dự án Đầu tư XDCT khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
22	Phiên họp thứ 22 ngày 19/8/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 28/NQ-VNBC ngày 19/8/2015 về việc: Đăng ký, niêm yết bổ sung chứng khoán; 2. Nghị quyết số 29/NQ-VNBC ngày 19/8/2015 về việc: Bổ sung quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.
23	Phiên họp thứ 23 ngày 08/9/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghị quyết số 30/NQ-VNBC ngày 08/9/2015 về việc: Thanh lý các hạng mục công trình kiến trúc. 2. Nghị quyết số 31/NQ-VNBC ngày 08/9/2015 về việc: Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản.
24	Phiên họp thứ 24 ngày 25/9/2015	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quyết định số 3648/QĐ-VNBC ngày 26/9/2015 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.991.240.000 đồng; 2. Quyết định số 3649/QĐ-VNBC ngày 26/9/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; 3. Nghị quyết số 32/VNBC ngày 25/9/2015 về việc: Sắp xếp lại tổ chức của Công ty.
25	Phiên họp thứ 25	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch số 3911/KH-VNBC ngày 09/10/2015 về

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
	ngày 30/9/2015	<p>việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;</p> <p>2. Quyết định số 3738/QĐ-VNBC ngày 30/9/2015 về việc: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 14A: Xây dựng sân ga hầm trạm mức -140, mức -350; lò xuyên vỉa mức -140, mức -350 - Giai đoạn thi công bằng tháp tạm giếng chính thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</p>
26	Phiên họp thứ 26 ngày 07/10/2015	<p>1. Quyết định số 4029/QĐ-VNBC ngày 13/10/2015 về việc: Phê duyệt TKBVTC-DT các hạng mục lắp đặt đường ống và cáp điện trong giếng đứng chính vận tải than và giếng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</p> <p>2. Nghị quyết số 33/NQ-VNBC ngày 07/10/2015: Giám sát quản lý điều hành Công ty;</p> <p>3. Nghị quyết số 34/VNBC ngày 7/10/2015 về việc: Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản;</p> <p>4. Nghị quyết số 35/VNBC ngày 07/10/2015 về việc: Bỏ nhiệm cán bộ.</p> <p>5. Nghị quyết số 36/VNBC ngày 07/10/2015 về việc: Giải quyết chế độ hưu, hưởng BHXH cho cán bộ.</p>
27	Phiên họp thứ 27 ngày 06/11/2015	<p>1. Nghị quyết số 37/NQ-VNBC ngày 06/11/2015 về việc: Cử cán bộ đi công tác nước ngoài;</p> <p>2. Nghị quyết: Số 38/NQ-VNBC ngày 06/11/2015: Kiện toàn Ban quản lý Dự án hầm lò mỏ than Núi Béo;</p>
28	Phiên họp thứ 28 ngày 23/11/2015	<p>1. Quyết định số 4705/QĐ-VNBC ngày 28/11/2015 về việc: Điều chỉnh kế hoạch ĐT-XD của Công ty năm 2015;</p> <p>2. Nghị quyết số 39/NQ-VNBC ngày 23/11/2015 về việc: Bỏ nhiệm và bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ quản lý điều hành thuộc các đơn vị, phòng ban Công ty.</p>
29	Phiên họp thứ 29 ngày 15/12/2015	<p>1. Quyết định số 5236/QĐ-VNBC ngày 24/12/2015 về việc: Phê duyệt kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2016 của Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin;</p> <p>2. Quyết định số 4984/QĐ-VNBC ngày 15/12/2015 về việc: Điều chỉnh tiền lương của chức danh Viên chức quản lý và đơn giá tiền lương năm 2015 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;</p> <p>3. Quyết định số 4985/QĐ-VNBC ngày 15/12/2015 về</p>

STT	Tên phiên họp	Nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT
		việc: Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin. 4. Quyết định số 4986/QĐ-VNBC ngày 15/12/2015 về việc thôi nhiệm vụ PGĐ Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;
30	Phiên họp thứ 30 ngày 29/12/2015	1. Nghị quyết số 40/NQ-VNBC ngày 29/12/2015 về việc: Giám sát quản lý điều hành Công ty và phê duyệt kế hoạch SXKD của Công ty năm 2016; 2. Nghị quyết số 41/NQ-VNBC ngày 29/12/2015 về việc: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý điều hành Công ty; 3. Quyết định số 5301/QĐ-VNBC ngày 29/12/2015 về việc: Phê duyệt định mức tiêu hao nhiên vật liệu, điện năng năm 2016. 4. Quyết định số 5371/QĐ-VNBC ngày 29/12/2015 về việc: Quy hoạch cán bộ cấp đơn vị, phòng ban 2016-2020.

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT động lập và các tiểu ban của HĐQT: Không

2. Ban kiểm soát

2.1. Cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và có sự thay đổi trong năm 2014, 2015 như sau:

- Từ tháng 11/2014, bà Dương Thị Thu Phong thôi chức vụ UV BKS để nhận nhiệm vụ mới.

- Tại Đại hội cổ đông năm 2015, Đại hội đã bầu ông Châu Quang Phúc thay thế chức vụ UV BKS của Bà Dương Thị Thu Phong.

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP sở hữu	Ghi chú
1	Phạm Xuân Vinh	Người đại diện phần TKV giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát	0	
2	Nguyễn Tiến Nhung	Người đại diện TKV giữ chức vụ UV BKS	6.061	
3	Châu Quang Phúc	Ủy viên BKS	0	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2015, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

a) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015 là: **401.400.000 đ (Bằng chữ: Bốn trăm linh một triệu, bốn trăm ngàn đồng)** và mức thù lao từng chức danh HĐQT, BKS năm 2015 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tiền (đ)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	01	64.800.000	
2	Ủy viên HĐQT	03	193.200.000	
3	Trưởng BKS	01	55.200.000	
4	Ủy viên BKS	02	88.200.000	
Tổng cộng năm 2015		07	401.400.000	

b) Tiền lương Ban Giám đốc: HĐQT Công ty quyết toán tiền lương Ban Giám đốc Công ty năm 2015 với tổng số tiền là 2.873 triệu đồng theo quy định của pháp luật, TKV (công văn số 1045/TKV-TCNS ngày 16/03/2016, công văn số 1160/TKV-TCNS ngày 22/03/2016).

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

3.4. *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:*

Trong năm 2015 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. **Ý kiến của kiểm toán** (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 705/2016/BC.KTTC-AASC.QN ngày 25/03/2016 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày,

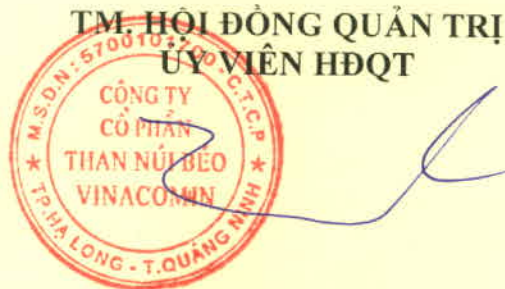
phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là : (www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Văn Phòng (đăng Website Công ty);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- Lưu: Văn thư, HĐQT (3), BKS; TK HĐQT.



GIÁM ĐỐC
Ngô Thế Phiệt